

## MỘT SỐ KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC

Theo dõi và đánh giá (Monitoring & Evaluation - M&E) là công cụ quản lý quan trọng đối với chương trình, dự án trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội hiện nay, trong đó có giáo dục. Việc theo dõi và đánh giá giáo dục đều đã được hầu hết các nước sử dụng theo nhiều mức độ. Vẫn còn là một lĩnh vực chưa quen thuộc trong ngành giáo dục Việt Nam hiện nay, bài viết này xin giới thiệu và phân tích một số khung M & E được sử dụng trong giáo dục.

Một trong những mục đích chính của theo dõi và đánh giá (M&E) trong giáo dục nhằm đảm bảo giáo dục công bằng và chất lượng dành cho tất cả các nhóm dân cư. Giáo dục chất lượng là một khái niệm đa chiều có tính đến các khía cạnh chất lượng về đầu vào (con người, vật chất và tài chính), quy trình (thực hành dạy học và thực hành quản lý hiệu quả), đầu ra và kết quả (kết quả học tập và chất lượng kết quả). Trên quan điểm này, trong các khung tham chiếu về theo dõi, đánh giá giáo dục trên thế giới, đầu tiên phải kể đến Rob Vos trong tác phẩm *Educational indicators: What's to be measured? [Các chỉ số giáo dục: đo lường cái gì]* đã xây dựng một khung tham chiếu để xác định các chỉ số giáo dục có liên quan<sup>1</sup>. Với quan điểm việc lựa chọn sử dụng các bộ chỉ số về giáo dục để thu thập dữ liệu và phân tích phụ thuộc vào mục tiêu chính sách mà nhà nghiên cứu hướng tới, tài liệu đã xác định các mức độ phân tích chính sách khác nhau trong giáo dục, đưa ra các bộ chỉ số nhằm giám sát và đánh giá trên các khía cạnh: hiệu suất giáo dục, hiệu quả chi phí giáo dục và sự công bằng trong giáo dục. Việc phân tích các chỉ số này có thể đưa đến những đề xuất cải tiến trong việc thiết kế và thực thi các chính sách giáo dục, cung cấp thông tin về những vấn đề nổi cộm và gợi ý một số nguyên nhân của những vấn đề đó. Trên cơ sở nghiên cứu sự khác biệt cơ bản của các thành tố, Rob Vos đã đề xuất 4 loại chỉ số để đo lường hiệu quả của một nền giáo dục, bao gồm: (1) chỉ số đầu vào (inputs); (2) chỉ số tiếp cận (access); (3) chỉ số đầu ra (outputs); và (4) chỉ số kết quả tác động (outcomes).

Trong đó, các chỉ số đầu vào đo lường các nguồn lực được sử dụng để thúc

---

<sup>1</sup> Rob Vos, *Educational indicators: What's to be measured?* Working Paper Series I-1, Washington D.C., 1996.

đây đáp ứng nhu cầu về giáo dục nhằm đạt các mục tiêu đề ra. Chẳng hạn như số lượng giáo viên, cơ sở vật chất trường lớp, các phương tiện dạy học, chi phí, mức độ chi tiêu công và tư cho giáo dục. Để cung cấp thông tin rõ ràng hơn cho việc hoạch định chính sách, chỉ số đầu vào thường được xác định bởi mối tương quan giữa cung và cầu, ví dụ tỷ lệ giáo viên/học sinh, hoặc chi phí trung bình đối với một học sinh.

Các chỉ số tiếp cận xác định các yếu tố nhu cầu của những người sử dụng dịch vụ tiềm năng, các biến số cho thấy nhu cầu sử dụng và khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của người học. Chẳng hạn như khoảng cách địa lý tới trường; nền tảng văn hóa, gia đình của học sinh; thu nhập của cá nhân phụ huynh, hộ gia đình; chi phí trực tiếp của giáo dục (học phí, đồng phục, sách vở...).

Các chỉ số đầu ra và chỉ số kết quả đo lường tác động của dịch vụ, chính sách, chương trình đối với người học, gia đình, xã hội, được đối chiếu với các mục tiêu đặt ra ban đầu. Tuy nhiên, giữa đầu ra và kết quả có sự khác biệt. Chỉ số đầu ra cho thấy mức độ đạt các mục tiêu trực tiếp của giáo dục như *tỷ lệ học sinh nhập học, lên lớp, tốt nghiệp*. Trong khi đó, chỉ số tác động cho thấy những thay đổi mang tính dài hạn trong cuộc sống người dân, trong các tổ chức/đoàn thể, toàn thể xã hội nhờ vào chương trình, chính sách giáo dục như *nhân lực đạt chuẩn trình độ đào tạo; năng suất lao động tăng, sức khỏe công dân được cải thiện, năng lực tham gia vào xã hội hiện đại của công dân*.

Năm 2000, UNICEF đã giới thiệu tài liệu *Defining quality in education [Định nghĩa chất lượng trong giáo dục]* được nghiên cứu bởi Jeanette Colby, Miske Witt và đồng nghiệp<sup>2</sup>. Bằng việc nghiên cứu những quan điểm về chất lượng trong giáo dục, các nhà nghiên cứu của UNICEF đã đề xuất một quan điểm rộng hơn về chất lượng giáo dục trong đó phải tính đến cả yếu tố người học, nội dung giáo dục, quá trình giáo dục, môi trường giáo dục và mục tiêu giáo dục. Trong đó, người học phải khỏe mạnh, được nuôi dưỡng tốt và sẵn sàng tham gia và học tập, được gia đình và cộng đồng hỗ trợ trong việc học tập. Môi trường học tập lành mạnh, an toàn, nhạy cảm giới tính và cung cấp những nguồn lực, điều kiện cần

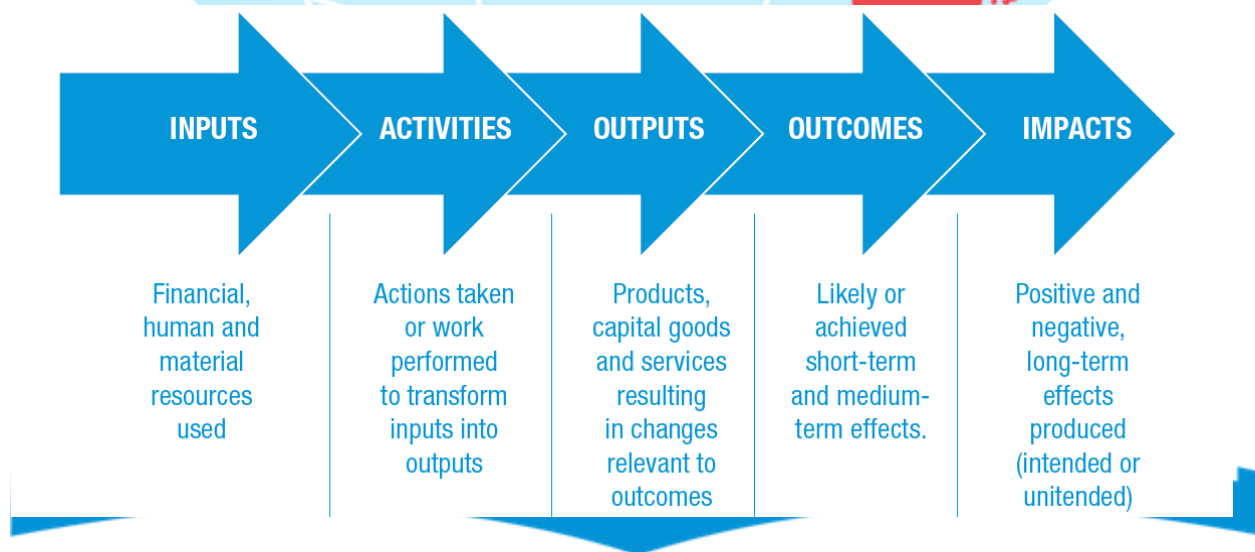
---

<sup>2</sup> Jeanette Colby, Miske Witt et. al., *Defining quality in education [Định nghĩa chất lượng trong giáo dục]*, UNICEF, 2000.

thiết. Nội dung phản ánh chương trình giáo dục, bảo đảm cho việc học tập những kỹ năng cơ bản, đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu, số học, các kỹ năng sống, và kiến thức trong các lĩnh vực như giới, sức khỏe, dinh dưỡng, phòng ngừa HIV/AIDS và hòa bình. Quá trình học tập trong đó, giáo viên lấy người học làm trung tâm; có kỹ năng quản lý lớp học và sử dụng phương pháp đánh giá phù hợp để tạo điều kiện cho học sinh học tập và giảm thiểu sự khác biệt. Mục tiêu giáo dục bao quát cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, gắn kết với các mục tiêu quốc gia về giáo dục. Định nghĩa này dẫn đến một cách hiểu về giáo dục là một hệ thống phức tạp trong một tổng thể chính trị, văn hóa và kinh tế; đồng thời có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định các chương trình nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Để tiến hành M&E, có thể áp dụng phương pháp phân tích chuỗi kết quả (result chain), được các tổ chức quốc tế sử dụng rất nhiều để đánh giá những sự thay đổi do các chương trình, dự án,... mang lại<sup>3</sup> Như hình dưới đây cho thấy, tác động do đầu vào (inputs), hoạt động (activities), dẫn đến một chuỗi kết quả: kết quả trực tiếp/sản phẩm (outputs), kết quả trung gian/trung hạn (outcomes) và kết quả sau cùng/tác động lâu dài (impacts).

**Hình: Chuỗi kết quả có được từ các nguồn lực đầu vào và hoạt động<sup>4</sup>**



<sup>3</sup> OECD (2013).Development Review.An Overview of Results Measurement and Management.OECD 2013; World Bank (2013).Results Framework and M&E Guidance Note. April 9 2013.

<sup>4</sup> OECD (2013), t.lđđ.

Tương tự như cách tiếp cận này, trong đánh giá giáo dục, có những quan điểm coi giáo dục như một hệ thống sản xuất qua đó đầu vào được biến chuyển thành kết quả đầu ra. Theo đó, giáo dục chất lượng là một khái niệm đa chiều có tính đến các khía cạnh chất lượng về đầu vào (con người, vật chất và tài chính), quy trình (thực hành dạy học và thực hành quản lý hiệu quả), đầu ra và kết quả (kết quả học tập và chất lượng kết quả)<sup>5</sup>. Năm 2011, dựa trên cách tiếp cận này, Jeanette Colby, Miske Witt và cộng sự đã tu chỉnh và xây dựng mô hình giáo dục của mình<sup>6</sup>. Theo đó, hệ thống giáo dục gồm đầu vào (sự đầu tư tài chính, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho giáo dục...), quá trình (khả năng tiếp cận giáo dục, tham gia học tập, quá trình đào tạo, môi trường học tập và tổ chức đào tạo...), đầu ra (bao gồm cả đầu ra, kết quả và tác động) và tất cả diễn ra trong bối cảnh cụ thể (bao gồm đặc điểm nhân khẩu học, bối cảnh kinh tế văn hóa và xã hội...). Dựa vào hệ thống này, người ta có thể đánh giá các khía cạnh khác nhau của chất lượng giáo dục như năng suất, hiệu quả, sự bình đẳng, hay sự đáp ứng với yêu cầu xã hội của giáo dục...; có đạt được các mục tiêu đã đề ra. Ngoài ra có thể ghi nhận kết quả đạt được của các tiêu chí theo quá trình thời gian để đánh giá sự phát triển hay so sánh với các quốc gia khác.

Tích hợp các cách tiếp cận nêu trên, Tổ chức các nước phát triển (OECD) từ cuối thế kỷ 20 đã xây dựng bộ chỉ số đánh giá giáo dục hàng năm, được thể hiện trong báo cáo hàng năm có tên: *Tổng quan về giáo dục: các chỉ số của OECD*<sup>7</sup>. Tài liệu năm 2016 trình bày cấu trúc, tài chính và hoạt động của hệ thống giáo dục tại 34 quốc gia OECD và một số nước đối tác. Báo cáo đã cung cấp một hệ thống các chỉ số phản ánh quan niệm về đo lường tình trạng giáo dục như: Các chỉ số cung cấp thông tin về nguồn nhân lực và nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục; về khả năng tiếp cận giáo dục; về chất lượng giáo dục; tác động của giáo dục tới thu nhập,

<sup>5</sup> Scheerens Jaap el.al., In Perspectives on educational quality, chapter II: Measuring educational quality by means of indicators, 2011.

<sup>6</sup>Scheerens Jaap el.al., In Perspectives on educational quality, chapter II: Measuring educational quality by means of indicators, 2011.

<sup>7</sup> OECD, Education at a glance 2016: OECD indicators, 2016.

việc làm của người học. Các chỉ số được sắp xếp theo khung tham chiếu phân biệt các thành tố của hệ thống giáo dục, bao gồm: cá nhân người học, người dạy, bối cảnh và môi trường học tập, cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục và hệ thống giáo dục tổng thể.

Cuối cùng, trên phương diện nội dung đánh giá giáo dục, vào 9/2015, các nhà lãnh đạo thế giới đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững của cộng đồng thế giới đến năm 2030. Trong đó có Mục tiêu 4 về giáo dục nhằm đạt được “nền giáo dục bao trùm, công bằng, có chất lượng và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho mọi người”. Để đạt được mục tiêu này, các chỉ số, chỉ tiêu cụ thể được thiết kế. Khác với các mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs), SDGs coi chất lượng giáo dục và tác động của giáo dục là trung tâm. Các mục tiêu của MDGs như sự tiếp cận giáo dục, mức độ tham gia, nhập học vẫn được coi trọng. Tuy nhiên, sự tham gia vào giáo dục không phải là mục tiêu cuối cùng. Năng lực thu nhận được qua giáo dục là điều đáng quan tâm đối với mỗi người và cả xã hội, nền kinh tế, làm cho con người thành công trong cuộc sống, sự thịnh vượng của xã hội<sup>8</sup>. Dựa vào các mục tiêu này, có thể xây dựng các tiêu chí để theo dõi, đánh giá chất lượng trong lĩnh vực giáo dục như: Tính toàn diện; tính công bằng; tính hiệu quả.

**Bảng: Mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục (Sustainable Development Goals- SDGs)<sup>9</sup>**

**TTBD ĐBDC**

---

<sup>8</sup> OECD, Education at a glance 2016: OECD indicators, 2016, tldd, trang 14.

<sup>9</sup> OECD, Education at a glance 2016: OECD indicators, 2016, tldd, trang 15.

Các mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục	Chỉ số cụ thể
<p>Đến năm 2030 bảo đảm cho tất cả trẻ em gái và trai được hoàn thành giáo dục tiểu học và trung học cơ sở miễn phí, công bằng và chất lượng, dẫn đến các kết quả học tập tương xứng và hiệu quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ nhập học, tốt nghiệp</li> <li>• Kết quả trắc nghiệm PISA về toán và kỹ năng đọc hiểu của trẻ em 15 tuổi</li> <li>• Đánh giá kết quả tác động của học tập cuối cấp tiểu học</li> <li>• Kết quả học tập của các em không đến trường</li> </ul>
<p>Đến năm 2030 bảo đảm cho tất cả trẻ em gái và trai được tiếp cận phát triển và chăm sóc mẫu giáo và mầm non có chất lượng, sẵn sàng cho giáo dục tiểu học</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ nhập học cấp mẫu giáo, mầm non</li> <li>• Sự phát triển của trẻ em độ tuổi này về nhận thức, kỹ năng xã hội và cảm xúc</li> </ul>
<p>Đến năm 2030 bảo đảm cho tất cả phụ nữ và nam giới được tiếp cận bình đẳng, trang trải được giáo dục kỹ thuật, học nghề, cao đẳng - đại học, bao gồm trường đại học có chất lượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ nhập học của các bậc học này tách biệt theo giới</li> <li>• Sự tham gia vào các chương trình giáo dục kỹ năng cho người lớn chính thức và phi chính thức</li> </ul>
<p>Đến năm 2030 tăng đáng kể số lượng thanh thiếu niên và người trưởng thành với các kỹ năng phù hợp, trong đó có các kỹ năng kỹ thuật và nghề nghiệp để có việc làm, công việc ổn định</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Độ thông thạo các kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến kỹ thuật số của những người độ tuổi từ 16 đến 65.</li> <li>• Độ thông thạo về viết và tính toán của những người độ tuổi từ 16 đến 65.</li> </ul>
<p>Đến năm 2030 xóa bỏ mọi sự phân biệt về giới trong giáo dục và bảo đảm sự tiếp cận bình đẳng trong tất cả các cấp học và đào tạo nghề cho các nhóm dễ tổn thương, trong đó có người khuyết tật, dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ nhập học, tốt nghiệp, học vấn được tách biệt theo giới</li> <li>• Học vấn theo các cấp học theo giới, dân tộc, học vấn cha mẹ, ngôn ngữ ở nhà, thu nhập</li> </ul>

<p>tộc ít người, trẻ em trong các tình huống dễ tổn thương</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phạm vi, mức độ đầu tư công và của tư nhân vào giáo dục</li> <li>• Các chính sách liên quan đến sự tiếp cận và cung cấp nguồn tài chính cho các nhóm yếu thế</li> </ul>
<p>Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả thanh thiếu niên và một tỷ lệ đáng kể người lớn cả phụ nữ và nam giới đạt được mức độ biết chữ và tính toán thành thục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ về số người đạt mức độ biết chữ và tính toán thành thục theo giới và độ tuổi</li> <li>• Sự tham gia vào các chương trình tập huấn kỹ năng cơ bản</li> </ul>
<p>Đến năm 2030, bảo đảm rằng mọi người học thu nhận kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững. Trong đó, qua việc giáo dục phát triển bền vững và lối sống bền vững, thúc đẩy quyền con người, bình đẳng giới, văn hóa hòa bình và không bạo lực, công dân toàn cầu, coi trọng sự đa dạng về văn hóa và sự đóng góp của văn hóa đối với phát triển bền vững</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Năng lực thích ứng toàn cầu lấy từ dữ liệu PISA</li> <li>• Năng lực khoa học, mức độ hiểu biết về môi trường qua kết quả PISA</li> <li>• Kỹ năng giao tiếp giữa người với người, các kết quả về kỹ năng xã hội khác</li> <li>• Chương trình, các môn học, thời lượng học trong trường</li> </ul>
<p>Xây dựng và hoàn thiện các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và giới, tạo môi trường học tập an toàn, không bạo lực, bao trùm và hiệu quả đối với mọi người</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các thông số về môi trường học tập, nguồn lực, trang thiết bị</li> <li>• Không khí học tập trong trường, trong đó có về hành vi bạo lực của học sinh</li> </ul>

**TTBD ĐBDC**